

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 1

Đăng ký dự thi-đã nhận hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	CYV.H00003	Châu Ngọc Cẩm	An	16/10/92	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00247	C720501	8.50	4.25	6.50	19.25	19.50	LT	
2	CYV.H00002	Đinh Vũ Xuyên	An	02/09/89	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00250	C720501	7.75	3.25	6.25	17.25	17.50	LT	
3	CYV.H00001	Đỗ Thúy	An	30/09/90	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00158	C720501	10.00	7.25	7.25	24.50	24.50	LT	
4	CYV.H00006	Lê Thị Trúc	Anh	15/02/86	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00078	C720501	3.75	3.50	5.25	12.50	12.50	LT	
5	CYV.H00007	Nguyễn Ngọc	Anh	30/04/82		Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00243	C720501	7.75	4.50	6.75	19.00	19.00	LT	
6	CYV.H00008	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	29/12/85	Nữ	Huyện Ba Tri		2NT	99.99. 00015	C720501	8.50	7.25	6.75	22.50	22.50	LT	
7	CYV.H00009	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/90	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00051	C720501	9.75	8.00	8.00	25.75	26.00	LT	
8	CYV.H00011	Nguyễn Ngọc Loan	Anh	07/06/94	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00093	C720501	8.50	4.50	5.75	18.75	19.00	LT	
9	CYV.H00010	Phạm Thị Bảo	Anh	28/02/88	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00168	C720501	9.00	8.00	6.25	23.25	23.50	LT	
10	CYV.H00005	Võ Thị Tuyết	Anh	23/11/90	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00076	C720501	6.75	8.50	6.50	21.75	22.00	LT	
11	CYV.H00004	Nguyễn Thị Xuân	An	10/02/91	Nữ	Huyện Bình Đại		2NT	99.99. 00154	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
12	CYV.H00012	Phạm Nguyễn Xuân	anh	21/11/77	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00065	C720501	7.50	8.00	7.00	22.50	22.50	LT	
13	CYV.H00013	Hồ Tài Ngọc	An	05/05/91	Nữ	Huyện Giồng Trôm		2NT	99.99. 00110	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
14	CYV.H00014	Phạm Thị Bé	Fa	01/02/82	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00175	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
15	CYV.H00015	Đoàn Hoài	Bảo	29/05/92		Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00193	C720501	4.00	0.00	0.00	4.00	4.00	LT	
16	CYV.H00016	Lê Thị Ngọc	Bích	20/03/91	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00021	C720501	9.75	7.50	7.75	25.00	25.00	LT	
17	CYV.H00017	Nguyễn Thị Phương	Châu	27/12/87	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00039	C720501	10.00	9.00	8.50	27.50	27.50	LT	
18	CYV.H00018	Nguyễn Thị Diễm	Châu	15/05/92	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00242	C720501	10.00	7.25	7.00	24.25	24.50	LT	
19	CYV.H00019	Võ Thị Ngọc	Châu	20/01/89	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00127	C720501	8.75	8.75	7.75	25.25	25.50	LT	
20	CYV.H00021	Đỗ Hoàng Minh	Chiến	04/07/88	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00072	C720501	10.00	8.25	8.25	26.50	26.50	LT	
21	CYV.H00020	Huỳnh Thị Kim	Chi	25/08/91	Nữ	Huyện Cai Lậy		2NT	99.99. 00149	C720501	9.25	6.50	7.75	23.50	23.50	LT	
22	CYV.H00022	Lê Quốc	Cường	02/11/89		Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00221	C720501	10.00	6.75	5.25	22.00	22.00	LT	
23	CYV.H00023	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	05/06/87	Nữ	Huyện Tân Phước		2NT	99.99. 00223	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
24	CYV.H00024	Nguyễn Thị Bé	Diễm	15/08/90	Nữ	Huyện Bình Đại		2NT	99.99. 00138	C720501	10.00	7.25	7.25	24.50	24.50	LT	
25	CYV.H00025	Trần Thị Kiều	Diễm	03/11/87	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00186	C720501	10.00	8.25	7.50	25.75	26.00	LT	
26	CYV.H00026	Tô Thanh	Duy	06/12/90		Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00069	C720501	8.00	6.00	6.00	20.00	20.00	LT	
27	CYV.H00027	Đoàn Minh	Dũ	01/01/80		Huyện Gò Công Đông		2	99.99. 00089	C720501	7.75	6.00	6.75	20.50	20.50	LT	
28	CYV.H00028	Phạm Thị Thùy	Dương	21/12/92	Nữ	Huyện Tân Phước		2NT	99.99. 00195	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 2

Đăng ký dự thi-dã nhân hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
29	CYV.H00029	Phan Thị Dứt	28/03/92	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00164	C720501	8.00	5.25	6.25	19.50	19.50	LT	
30	CYV.H00030	Nguyễn Thị Dừa	20/12/78	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00210	C720501	9.75	8.50	8.00	26.25	26.50	LT	
31	CYV.H00031	Nguyễn Trang	03/05/94	Nữ	Huyện Cái bè		2NT	99.99. 00238	C720501	8.75	5.00	6.00	19.75	20.00	LT	
32	CYV.H00032	Đoàn Văn Đạt	10/06/86		Huyện Cái bè		3	99.99. 00103	C720501	1.50	3.75	5.00	10.25	10.50	LT	
33	CYV.H00033	Huỳnh Thanh Đẹp	20/09/88	Nữ	Huyện Châu Thành		2NT	99.99. 00215	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
34	CYV.H00034	Nguyễn Thị Hồng	10/10/91	Nữ	Thị xã Cai Lậy		2NT	99.99. 00100	C720501	9.00	7.00	6.75	22.75	23.00	LT	
35	CYV.H00036	Phan Thị Hương	27/11/87	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00134	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
36	CYV.H00035	Trần Thị Cẩm	14/08/90	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00135	C720501	10.00	6.00	7.25	23.25	23.50	LT	
37	CYV.H00037	Nguyễn Thị Giàu	10/12/89	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00098	C720501	10.00	8.50	8.25	26.75	27.00	LT	
38	CYV.H00038	Phạm Thị Bé	02/09/90	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00194	C720501	6.75	4.75	6.00	17.50	17.50	LT	
39	CYV.H00041	Nguyễn Thị Hà	08/07/87	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00028	C720501	9.25	5.25	6.50	21.00	21.00	LT	
40	CYV.H00042	Bùi Thị Ngọc	09/01/90	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00112	C720501	10.00	6.75	5.00	21.75	22.00	LT	
41	CYV.H00039	Phan Thị Ngọc	04/09/93	Nữ	Huyện Tân Phú Đông		2NT	99.99. 00050	C720501	6.75	3.50	5.00	15.25	15.50	LT	
42	CYV.H00040	Trần Thị Trúc	21/11/86	Nữ	Huyện Cái bè		2NT	99.99. 00003	C720501	9.25	8.00	7.00	24.25	24.50	LT	
43	CYV.H00043	Võ Thị Hồng	20/02/90	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2	99.99. 00196	C720501	9.00	6.50	6.75	22.25	22.50	LT	
44	CYV.H00047	Đào Thị Ngọc	07/11/94	Nữ	Huyện Ba Tri		2NT	99.99. 00220	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
45	CYV.H00046	Nguyễn Trần Ngọc	25/03/90	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00113	C720501	8.00	4.50	5.50	18.00	18.00	LT	
46	CYV.H00044	Phan Thị Ngọc	26/11/88	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00163	C720501	6.50	5.00	6.00	17.50	17.50	LT	
47	CYV.H00045	Trà Thị Ngọc	00/00/84	Nữ	Huyện Cai lậy		2NT	99.99. 00115	C720501	9.00	7.00	6.75	22.75	23.00	LT	
48	CYV.H00048	Nguyễn Thị Thúy	20/03/86	Nữ	Huyện Cái bè		2NT	99.99. 00156	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
49	CYV.H00049	Nguyễn Thanh	23/07/84	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00239	C720501	8.75	7.75	6.25	22.75	23.00	LT	
50	CYV.H00050	Hồ Thị Hiếu	20/11/82	Nữ	Thành phố Mỹ Tho	06	2NT	99.99. 00102	C720501	9.75	6.75	7.75	24.25	24.50	LT	
51	CYV.H00051	Lê Thị Diệu	10/09/87	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00235	C720501	4.00	3.75	5.25	13.00	13.00	LT	
52	CYV.H00052	Ngô Thị Diệu	10/09/91	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00205	C720501	8.75	6.25	7.25	22.25	22.50	LT	
53	CYV.H00054	Nguyễn Thị Ngọc	10/10/89	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00056	C720501	10.00	9.50	7.75	27.25	27.50	LT	
54	CYV.H00053	Võ Thị Xuân	30/07/89	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00118	C720501	10.00	9.25	8.25	27.50	27.50	LT	
55	CYV.H00055	Nguyễn Kim	14/05/80	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00181	C720501	6.75	4.50	6.75	18.00	18.00	LT	
56	CYV.H00056	Lê Thị Hoàng	12/02/89	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00071	C720501	10.00	8.75	6.25	25.00	25.00	LT	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 3

Đăng ký dự thi-đã nhận hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
57	CYV.H00057	Lê Kim	Hòa	24/01/86	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00129	C720501	9.25	6.50	6.75	22.50	22.50	LT	
58	CYV.H00061	Huỳnh Cẩm	Hồng	04/05/88	Nữ	Huyện Tân Phước	06	2NT	99.99. 00017	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
59	CYV.H00059	Lê Thị Cẩm	Hồng	04/07/82	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2	99.99. 00040	C720501	10.00	5.25	6.00	21.25	21.50	LT	
60	CYV.H00062	Lê Thị ánh	Hồng	03/09/91	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00007	C720501	10.00	7.00	6.25	23.25	23.50	LT	
61	CYV.H00063	Lê Đình Cẩm	Hồng	24/03/86	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00022	C720501	9.50	7.75	8.00	25.25	25.50	LT	
62	CYV.H00058	Nguyễn Thị	Hồng	15/10/87	Nữ	Huyện Diên Châu		1	99.99. 00030	C720501	7.25	7.25	7.00	21.50	21.50	LT	
63	CYV.H00060	Phạm Thị Cẩm	Hồng	25/12/89	Nữ	Thành phố Tân An		2	99.99. 00141	C720501	9.50	3.75	5.75	19.00	19.00	LT	
64	CYV.H00065	Trần Nguyễn Hoàng	Huệ	15/12/95	Nữ	Huyện Giồng Trôm		2	99.99. 00085	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
65	CYV.H00064	Võ Thị Cẩm	Huệ	07/08/95	Nữ	Huyện Châu Thành		2NT	99.99. 00225	C720501	9.25	4.75	6.25	20.25	20.50	LT	
66	CYV.H00066	Nguyễn Khắc	Huy	25/06/90		Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00150	C720501	5.50	4.75	4.25	14.50	14.50	LT	
67	CYV.H00067	Nguyễn Hoàng	Huy	04/11/92		Huyện Châu Thành		2NT	99.99. 00209	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
68	CYV.H00068	Đoàn Thị	Huyền	27/10/79	Nữ	Huyện Châu Thành		2NT	99.99. 00254	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
69	CYV.H00070	Lê Thị Ngọc	Huyền	02/05/92	Nữ	Thị xã Cai Lậy		2NT	99.99. 00074	C720501	3.75	0.00	0.00	3.75	4.00	LT	
70	CYV.H00069	Trần Thanh	Huyền	07/09/88	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00023	C720501	10.00	9.25	8.75	28.00	28.00	LT	
71	CYV.H00071	Trần Thị Ngọc	Huyền	22/06/91	Nữ	Huyện Giồng Trôm		2NT	99.99. 00132	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
72	CYV.H00072	Nguyễn Quốc	Hưng	28/02/88		Huyện Chợ Lách	03	2NT	99.99. 00131	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
73	CYV.H00075	Lê Thị Kim	Hương	20/10/85	Nữ	Thị xã Cai Lậy		2NT	99.99. 00128	C720501	9.00	7.50	6.00	22.50	22.50	LT	
74	CYV.H00076	Lý Thị Mỹ	Hương	24/11/76	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00245	C720501	9.75	8.00	6.50	24.25	24.50	LT	
75	CYV.H00073	Nguyễn Thị Thanh	Hương	18/04/94	Nữ	Huyện Cái Bè		2NT	99.99. 00005	C720501	0.00	4.00	4.75	8.75	9.00	LT	
76	CYV.H00074	Nguyễn Thị Thanh	Hương	06/04/87	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00020	C720501	10.00	8.50	7.00	25.50	25.50	LT	
77	CYV.H00077	Nguyễn Thị	Hường	09/05/88	Nữ	Huyện Chợ Lách		2NT	99.99. 00016	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
78	CYV.H00078	Phan Thị Thanh	Hường	00/00/86	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00041	C720501	6.50	5.00	5.75	17.25	17.50	LT	
79	CYV.H00079	Bùi Thị Kiều	Khanh	15/01/92	Nữ	Huyện Cai lậy		2NT	99.99. 00183	C720501	7.75	4.50	5.25	17.50	17.50	LT	
80	CYV.H00080	Trần Thị	Lan	30/01/83	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00101	C720501	8.50	7.50	6.75	22.75	23.00	LT	
81	CYV.H00081	Trần Thị Huỳnh	Lê	26/02/88	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00066	C720501	9.75	8.50	6.00	24.25	24.50	LT	
82	CYV.H00082	Trần Thị Mỹ	Lệ	04/02/91	Nữ	Huyện Cai lậy		2NT	99.99. 00019	C720501	9.75	7.25	6.00	23.00	23.00	LT	
83	CYV.H00084	Trần Thị Bích	Liên	26/01/76	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00024	C720501	2.00	3.00	4.25	9.25	9.50	LT	
84	CYV.H00083	Võ Thị Mỹ	Liên	03/06/83	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00099	C720501	10.00	9.25	7.75	27.00	27.00	LT	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 4

Đăng ký dự thi-đã nhận hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
85	CYV.H00085	Nguyễn Thị Thúy	Linh	07/05/89	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00249	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
86	CYV.H00086	Phan Thị Trúc	Linh	17/10/93	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00212	C720501	9.75	8.50	6.25	24.50	24.50	LT	
87	CYV.H00087	Thân Thị Phương	Linh	08/04/91	Nữ	Huyện Cái bè	06	2NT	99.99. 00052	C720501	10.00	8.75	8.25	27.00	27.00	LT	
88	CYV.H00090	Đoàn Thị Kim	Loan	20/12/93	Nữ	Huyện Cái bè		2NT	99.99. 00122	C720501	9.50	5.50	6.50	21.50	21.50	LT	
89	CYV.H00088	Lê Thị Kim	Loan	08/06/70	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00097	C720501	3.50	4.75	4.75	13.00	13.00	LT	
90	CYV.H00091	Lê Thị Kim	Loan	01/07/88	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00059	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
91	CYV.H00089	Nguyễn Thị Vân	Loan	26/10/88	Nữ	Huyện Châu Thành		2NT	99.99. 00192	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
92	CYV.H00092	Nguyễn Thanh	Loan	15/09/90	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00241	C720501	10.00	6.75	5.50	22.25	22.50	LT	
93	CYV.H00093	Nguyễn Đỗ Văn	Lộc	02/09/87		Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00013	C720501	8.25	6.75	6.75	21.75	22.00	LT	
94	CYV.H00094	Phạm Thị Ngọc	Lộc	21/10/89	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00182	C720501	10.00	8.25	6.50	24.75	25.00	LT	
95	CYV.H00095	Huỳnh Anh	Luan	15/05/88		Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00237	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
96	CYV.H00096	Lê Thị Trúc	Ly	13/01/84	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00165	C720501	10.00	7.50	6.00	23.50	23.50	LT	
97	CYV.H00097	Nguyễn Thị	Ly	12/11/89	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00080	C720501	8.50	7.25	6.00	21.75	22.00	LT	
98	CYV.H00099	Hồ Thị Ngọc	Mai	04/02/91	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00002	C720501	10.00	8.75	7.25	26.00	26.00	LT	
99	CYV.H00100	Lê Thị Ngọc	Mai	03/12/83	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00139	C720501	9.25	8.25	6.50	24.00	24.00	LT	
100	CYV.H00098	Nguyễn Thị	Mai	20/12/84	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2	99.99. 00191	C720501	9.75	9.50	8.00	27.25	27.50	LT	
101	CYV.H00101	Châu Thị Tú	Mi	01/08/90	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00143	C720501	9.50	6.00	6.00	21.50	21.50	LT	
102	CYV.H00103	Dương Thị Tuyết	Minh	10/03/80	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00244	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
103	CYV.H00102	Nguyễn Thị	Minh	30/12/83	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00172	C720501	9.75	8.75	8.00	26.50	26.50	LT	
104	CYV.H00104	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	06/08/84	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		3	99.99. 00087	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
105	CYV.H00105	Phù Văn Mười	Một	25/10/80		Huyện Chợ Lách		2NT	99.99. 00001	C720501	9.50	6.50	7.75	23.75	24.00	LT	
106	CYV.H00106	Nguyễn Thị Hồng	Mụi	21/04/93	Nữ	Huyện Tân Phú Đông		2NT	99.99. 00048	C720501	9.75	5.00	6.00	20.75	21.00	LT	
107	CYV.H00107	Nguyễn Thị Diễm	My	04/05/93	Nữ	Thị xã Cai Lậy		2NT	99.99. 00092	C720501	10.00	7.00	6.25	23.25	23.50	LT	
108	CYV.H00108	Lý Mỹ	Mỹ	25/11/86	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2	99.99. 00046	C720501	9.25	9.50	7.75	26.50	26.50	LT	
109	CYV.H00109	Nguyễn Thị Huỳnh	Nga	17/02/85	Nữ	Huyện Châu Thành		2	99.99. 00222	C720501	4.25	4.50	6.50	15.25	15.50	LT	
110	CYV.H00113	Lê Thị Kim	Ngân	05/12/89	Nữ	Huyện Châu Thành		2NT	99.99. 00216	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
111	CYV.H00112	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/11/92	Nữ	Huyện Cai lậy		2NT	99.99. 00177	C720501	9.50	5.00	7.75	22.25	22.50	LT	
112	CYV.H00114	Nguyễn Thị Kim	Ngân	04/08/79	Nữ	Thành phố Mỹ Tho	04	2	99.99. 00173	C720501	4.50	0.00	0.00	4.50	4.50	LT	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 5

Đăng ký dự thi-dã nhân hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
113	CYV.H00115	Nguyễn Thị Kim	Ngân	04/12/89	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		3	99.99. 00104	C720501	7.00	6.75	6.50	20.25	20.50	LT	
114	CYV.H00110	Phạm Thị Kim	Ngân	22/07/86	Nữ	Thị xã Gò Công		1	99.99. 00057	C720501	9.00	8.25	6.75	24.00	24.00	LT	
115	CYV.H00111	Phạm Thị Kim	Ngân	15/09/90	Nữ	Huyện Tân Phước		2NT	99.99. 00095	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
116	CYV.H00116	Trần Thị Kim	Ngân	20/02/90	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00070	C720501	10.00	9.00	6.75	25.75	26.00	LT	
117	CYV.H00118	Lâm Tuấn	Ngọc	06/09/90		Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00232	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
118	CYV.H00117	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	01/12/88	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00042	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
119	CYV.H00119	Trần Võ Hằng	Nguyễn	20/10/89		Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00126	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
120	CYV.H00120	Trần Văn	Nguyễn	29/03/89		Huyện Tân Phước		2NT	99.99. 00146	C720501	9.75	7.25	6.75	23.75	24.00	LT	
121	CYV.H00121	Đinh Thị Tú	Nguyễn	27/10/86	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00255	C720501	8.75	4.75	6.75	20.25	20.50	LT	
122	CYV.H00122	Nguyễn Thị	Nhân	17/11/90	Nữ	Huyện Cai Lậy		2NT	99.99. 00207	C720501	8.75	8.00	7.50	24.25	24.50	LT	
123	CYV.H00123	Trần Thành	Nhân	30/07/90		Huyện Gò Công Đông	06	2NT	99.99. 00014	C720501	9.50	6.00	6.25	21.75	22.00	LT	
124	CYV.H00125	Nguyễn Huỳnh Thảo	Nhi	24/02/93	Nữ	Huyện Cái Bè		2NT	99.99. 00008	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
125	CYV.H00126	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	05/05/92	Nữ	Huyện Cai Lậy		2NT	99.99. 00203	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
126	CYV.H00128	Nguyễn Phan Yến	Nhi	28/11/92	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00073	C720501	8.50	3.75	6.00	18.25	18.50	LT	
127	CYV.H00127	Tôn Nữ Yến	Nhi	08/09/90	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00234	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
128	CYV.H00124	Trần Hồ Huyền	Nhi	13/11/90	Nữ	Huyện Cai Lậy		2NT	99.99. 00198	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
129	CYV.H00131	Đoàn Thị Hồng	Nhung	12/10/84	Nữ	Huyện Cái Bè		2NT	99.99. 00258	C720501	10.00	7.25	8.00	25.25	25.50	LT	
130	CYV.H00129	Lê Thị Cẩm	Nhung	08/03/78	Nữ	Huyện Tân Phú Đông		2NT	99.99. 00105	C720501	8.50	7.75	7.00	23.25	23.50	LT	
131	CYV.H00130	Lê Thị Hồng	Nhung	26/10/87	Nữ	Huyện Bình Đại		2NT	99.99. 00145	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
132	CYV.H00132	Nguyễn Thị Phương	Nhung	01/11/83	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00189	C720501	9.75	6.00	6.25	22.00	22.00	LT	
133	CYV.H00133	Phạm Ngọc	Nhung	21/08/91	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00185	C720501	10.00	5.00	7.00	22.00	22.00	LT	
134	CYV.H00134	Nguyễn Thị ái	Như	13/02/88	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00006	C720501	10.00	6.75	7.75	24.50	24.50	LT	
135	CYV.H00135	Võ Hà Phương	Như	06/11/88	Nữ	Huyện Chợ Lách		2NT	99.99. 00219	C720501	8.00	5.00	6.75	19.75	20.00	LT	
136	CYV.H00136	Nguyễn Văn	Nốp	17/10/82		Thành phố Bến Tre		3	99.99. 00068	C720501	6.50	6.25	5.75	18.50	18.50	LT	
137	CYV.H00137	Trần Thị Thúy	Oanh	10/06/86	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00224	C720501	4.00	3.75	4.75	12.50	12.50	LT	
138	CYV.H00138	Vũ Kim	Oanh	22/07/69	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00227	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
139	CYV.H00139	Nguyễn Văn	Phép	00/00/89		Huyện Cai Lậy		2NT	99.99. 00053	C720501	9.75	8.50	6.50	24.75	25.00	LT	
140	CYV.H00140	Dương Hồng	Phong	12/04/92		Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00049	C720501	9.25	8.00	7.75	25.00	25.00	LT	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 6

Đăng ký dự thi-dã nhân hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
141	CYV.H00143	Lê Thị Diễm	Phúc	05/07/94	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00123	C720501	6.25	5.50	6.25	18.00	18.00	LT
142	CYV.H00142	Trần Quốc	Phú	02/08/92		Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00170	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT
143	CYV.H00141	Võ Hoàng	Phú	14/11/85		Huyện Châu Thành	03	2NT	99.99. 00091	C720501	1.50	4.50	4.50	10.50	10.50	LT
144	CYV.H00144	Trần Thị Kim	Phụng	06/04/88	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00082	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT
145	CYV.H00145	Nguyễn Ngọc	Phượng	15/07/86		Thành phố Mỹ Tho	06	2NT	99.99. 00063	C720501	10.00	8.50	7.00	25.50	25.50	LT
146	CYV.H00146	Trần Thị Thanh	Phượng	00/00/86	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00047	C720501	10.00	7.50	6.00	23.50	23.50	LT
147	CYV.H00147	Nguyễn Hoàng	Phượng	07/02/89		Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00213	C720501	5.00	5.50	5.75	16.25	16.50	LT
148	CYV.H00148	Lê Lam	Phượng	30/03/67		Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00140	C720501	3.75	6.25	6.00	16.00	16.00	LT
149	CYV.H00149	Bùi Thanh	Phượng	03/06/82		Huyện Gò Công Đông	03	2NT	99.99. 00064	C720501	10.00	5.75	6.00	21.75	22.00	LT
150	CYV.H00150	Trần Duy	Phượng	23/03/88		Thành phố Bến Tre		2NT	99.99. 00226	C720501	7.25	8.25	7.00	22.50	22.50	LT
151	CYV.H00151	Nguyễn Thị Thu	Phượng	24/12/89	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00151	C720501	9.25	7.50	7.00	23.75	24.00	LT
152	CYV.H00152	Trần Lê Diễm	Phượng	03/08/89	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00121	C720501	7.00	7.25	7.50	21.75	22.00	LT
153	CYV.H00153	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	08/09/87	Nữ	Huyện Bình Đại		2NT	99.99. 00256	C720501	10.00	5.50	7.00	22.50	22.50	LT
154	CYV.H00154	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	29/05/85	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00152	C720501	9.50	8.00	7.25	24.75	25.00	LT
155	CYV.H00155	Lê Thị Hồng	Phượng	02/04/93	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00180	C720501	9.00	6.50	7.50	23.00	23.00	LT
156	CYV.H00156	Nguyễn Thị Phi	Phượng	16/01/83	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00179	C720501	8.75	7.50	6.25	22.50	22.50	LT
157	CYV.H00157	Nguyễn Thị Bích	Phượng	15/09/88	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00107	C720501	9.00	8.50	8.00	25.50	25.50	LT
158	CYV.H00158	Lê Trần Bích	Phượng	23/04/91	Nữ	Thành phố Mỹ Tho	06	2	99.99. 00133	C720501	4.25	5.00	5.50	14.75	15.00	LT
159	CYV.H00159	Ngô Thị Kiều	Phượng	31/10/90	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00206	C720501	7.50	7.50	7.00	22.00	22.00	LT
160	CYV.H00160	Đỗ Hoàng	Quân	27/06/81		Huyện Cai lậy		2	99.99. 00231	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT
161	CYV.H00161	Lê Hữu	Quý	21/10/86		Thị xã Cai Lậy		2NT	99.99. 00252	C720501	9.75	7.25	7.50	24.50	24.50	LT
162	CYV.H00165	Huỳnh Thị Lệ	Quyên	28/12/89	Nữ	Huyện Cái bè	04	2NT	99.99. 00162	C720501	9.25	6.25	6.25	21.75	22.00	LT
163	CYV.H00164	Lê Thị Tú	Quyên	10/05/87	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00067	C720501	6.75	5.25	6.25	18.25	18.50	LT
164	CYV.H00162	Nguyễn Chi	Quyên	30/12/92	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00190	C720501	7.25	4.25	5.00	16.50	16.50	LT
165	CYV.H00163	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	26/07/90	Nữ	Huyện Cai lậy		2NT	99.99. 00114	C720501	9.00	7.00	7.75	23.75	24.00	LT
166	CYV.H00166	Nguyễn Thị	Quyên	18/09/81	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00060	C720501	8.75	8.50	8.00	25.25	25.50	LT
167	CYV.H00167	Nguyễn Thị Bích	Quyên	20/03/92	Nữ	Thị xã Cai Lậy		2NT	99.99. 00120	C720501	9.25	5.50	6.50	21.25	21.50	LT
168	CYV.H00168	Mai Thị Kim	Riêng	14/01/87	Nữ	Huyện Tân Phước		2NT	99.99. 00161	C720501	8.25	5.50	7.25	21.00	21.00	LT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 7

Đăng ký dự thi-dã nhân hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
169	CYV.H00169	Lê Dược	Siêu	05/11/92		Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00054	C720501	9.75	7.50	7.50	24.75	25.00	LT	
170	CYV.H00170	Cao Thị Thu	Sương	31/12/89	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00025	C720501	7.75	7.50	6.25	21.50	21.50	LT	
171	CYV.H00171	Nguyễn Hữu	Tài	07/04/94		Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00119	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
172	CYV.H00175	Lê Thị Minh	Tâm	30/01/87	Nữ	Huyện Tân Phước		2NT	99.99. 00094	C720501	8.00	7.25	7.00	22.25	22.50	LT	
173	CYV.H00174	Mai Thị Phương	Tâm	15/02/89	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00136	C720501	7.50	5.75	5.50	18.75	19.00	LT	
174	CYV.H00177	Phan Thị Minh	Tâm	08/06/92	Nữ	Huyện Giồng Trôm		2NT	99.99. 00077	C720501	9.25	8.00	5.75	23.00	23.00	LT	
175	CYV.H00172	Trần Thị Thanh	Tâm	29/12/92	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00197	C720501	9.25	4.50	6.50	20.25	20.50	LT	
176	CYV.H00173	Trần Thị Thanh	Tâm	24/11/85	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00262	C720501	7.00	7.25	7.25	21.50	21.50	LT	
177	CYV.H00176	Trương Đồng	Tâm	17/06/95	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2	99.99. 00166	C720501	6.25	5.75	6.25	18.25	18.50	LT	
178	CYV.H00178	Đoàn Thị Kim	Thanh	15/09/91	Nữ	Huyện Châu Thành		2NT	99.99. 00217	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
179	CYV.H00179	Nguyễn Thị Kim	Thanh	30/01/75	Nữ	Thành phố Bến Tre		2	99.99. 00155	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
180	CYV.H00185	Bùi Thị Kim	Thảo	30/10/90	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00124	C720501	8.50	5.75	6.50	20.75	21.00	LT	
181	CYV.H00184	Lê Thị Bé	Thảo	18/12/90	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00159	C720501	7.25	5.50	5.75	18.50	18.50	LT	
182	CYV.H00181	Ngô Thị Thanh	Thảo	02/07/89	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00204	C720501	6.00	5.50	6.25	17.75	18.00	LT	
183	CYV.H00182	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/06/90	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00178	C720501	9.75	7.00	6.75	23.50	23.50	LT	
184	CYV.H00183	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/05/86	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00240	C720501	10.00	5.75	7.25	23.00	23.00	LT	
185	CYV.H00186	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/10/88	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00083	C720501	6.75	5.75	6.75	19.25	19.50	LT	
186	CYV.H00180	Nguyễn Tường Anh	Thảo	02/11/89	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00038	C720501	9.25	9.00	7.00	25.25	25.50	LT	
187	CYV.H00188	Bùi Thị Hồng	Thắm	05/08/87	Nữ	Huyện Tân Phú		1	99.99. 00148	C720501	9.00	7.75	6.75	23.50	23.50	LT	
188	CYV.H00187	Đoàn Trần Phương	Thắm	06/03/89	Nữ	Huyện Mỏ Cày Bắc		2NT	99.99. 00031	C720501	9.75	4.75	6.00	20.50	20.50	LT	
189	CYV.H00189	Trần Thị Ngọc	Thắng	03/06/89	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00061	C720501	7.75	8.25	7.00	23.00	23.00	LT	
190	CYV.H00190	Nguyễn Văn	Thế	30/12/64		Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00214	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
191	CYV.H00191	Trần Thị Mộng	Thêm	15/09/90	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00188	C720501	8.50	6.25	6.25	21.00	21.00	LT	
192	CYV.H00192	Nguyễn Thị	Thị	18/04/82	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00202	C720501	9.50	8.50	8.00	26.00	26.00	LT	
193	CYV.H00193	Nguyễn Thị Kim	Thoa	03/03/92	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00036	C720501	6.75	5.00	6.25	18.00	18.00	LT	
194	CYV.H00195	Ngô Thị Kiều Thu	Thoa	08/12/89	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00116	C720501	7.25	4.25	5.25	16.75	17.00	LT	
195	CYV.H00194	Trần Thị Ngọc	Thoa	19/10/91	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00055	C720501	9.00	4.50	5.25	18.75	19.00	LT	
196	CYV.H00196	Hà Thị Kim	Thoại	09/11/89	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00142	C720501	9.25	7.50	7.50	24.25	24.50	LT	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 8

Đăng ký dự thi-đã nhận hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
197	CYV.H00198	Nguyễn Ngọc	Thơm	24/03/87	Nữ	Huyện Tân Phú Đông		2NT	99.99. 00130	C720501	5.50	4.00	5.25	14.75	15.00	LT	
198	CYV.H00197	Nguyễn Thị Minh	Thơ	00/00/87	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00027	C720501	9.75	8.50	7.75	26.00	26.00	LT	
199	CYV.H00201	Bùi Mỹ	Thuận	28/11/92		Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00009	C720501	5.00	4.75	5.50	15.25	15.50	LT	
200	CYV.H00200	Bùi Thị Giáng	Thu	04/12/89	Nữ	Thành phố Bến Tre		2	99.99. 00037	C720501	10.00	9.00	7.50	26.50	26.50	LT	
201	CYV.H00199	Trần Thị Lệ	Thu	10/10/88	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00090	C720501	9.75	7.25	6.25	23.25	23.50	LT	
202	CYV.H00203	Đặng Thị Kim	Thúy	19/06/79	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00228	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
203	CYV.H00204	Lương Thị Diễm	Thúy	05/03/89	Nữ	Huyện Châu thành		2NT	99.99. 00201	C720501	10.00	7.00	5.25	22.25	22.50	LT	
204	CYV.H00205	Nguyễn Thị Lệ	Thúy	20/05/75	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00026	C720501	5.00	4.25	4.75	14.00	14.00	LT	
205	CYV.H00210	Nguyễn Thị Thu	Thúy	01/03/81	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00032	C720501	10.00	6.00	6.50	22.50	22.50	LT	
206	CYV.H00202	Trần Thị Kim	Thúy	13/02/78	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00058	C720501	2.00	4.50	5.25	11.75	12.00	LT	
207	CYV.H00209	Dương Thị Thu	Thúy	03/10/91	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00045	C720501	6.75	3.25	5.50	15.50	15.50	LT	
208	CYV.H00206	Đặng Thị Thanh	Thúy	18/04/89	Nữ	Huyện Cái bè		2NT	99.99. 00062	C720501	10.00	8.50	6.50	25.00	25.00	LT	
209	CYV.H00211	Nguyễn Thị Thu	Thúy	10/10/91	Nữ	Huyện Cái bè		2NT	99.99. 00229	C720501	10.00	8.00	7.25	25.25	25.50	LT	
210	CYV.H00207	Trương Thanh	Thúy	00/00/83	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00174	C720501	10.00	7.75	6.50	24.25	24.50	LT	
211	CYV.H00208	Trần Thị Thu	Thúy	13/12/82	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00088	C720501	7.75	7.00	6.75	21.50	21.50	LT	
212	CYV.H00213	Đỗ Huỳnh Anh	Thư	06/10/95	Nữ	Huyện Giồng Trôm		2NT	99.99. 00108	C720501	8.50	4.75	4.75	18.00	18.00	LT	
213	CYV.H00215	Lê Thị Anh	Thư	05/06/90	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00079	C720501	6.25	4.25	5.25	15.75	16.00	LT	
214	CYV.H00212	Nguyễn Phương	Thư	10/01/83	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00176	C720501	5.50	2.75	6.00	14.25	14.50	LT	
215	CYV.H00214	Võ Thị Anh	Thư	04/10/93	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00233	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
216	CYV.H00218	Hồ Trần Thủy	Tiên	31/03/92	Nữ	Thị xã Gò Công		1	99.99. 00075	C720501	9.25	7.75	7.50	24.50	24.50	LT	
217	CYV.H00216	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	12/08/95	Nữ	Huyện Ba Tri		1	99.99. 00169	C720501	5.00	5.25	6.25	16.50	16.50	LT	
218	CYV.H00217	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	21/07/92	Nữ	Thị xã Cai Lậy		2NT	99.99. 00137	C720501	7.25	3.75	5.50	16.50	16.50	LT	
219	CYV.H00219	Lê Thanh	Toàn	25/03/84		Huyện Chợ Gạo		2	99.99. 00004	C720501	10.00	9.75	7.75	27.50	27.50	LT	
220	CYV.H00220	Lê Minh	Tối	09/11/88		Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00236	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
221	CYV.H00223	Lâm Thùy	Trang	28/04/83	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00208	C720501	8.75	7.00	5.00	20.75	21.00	LT	
222	CYV.H00221	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/05/83	Nữ	Huyện Cai lậy	06	2NT	99.99. 00167	C720501	5.00	4.50	6.50	16.00	16.00	LT	
223	CYV.H00224	Nguyễn Thị Thanh	Trang	08/10/90	Nữ	Huyện Chợ Lách	06	2NT	99.99. 00218	C720501	8.00	9.25	6.75	24.00	24.00	LT	
224	CYV.H00225	Nguyễn Thị Phương	Trang	08/07/79	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00260	C720501	0.00	2.50	4.75	7.25	7.50	LT	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 9

Đăng ký dự thi-đã nhận hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
225	CYV.H00226	Nguyễn Thị Thu	Trang	04/05/91	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00200	C720501	9.00	5.25	6.50	20.75	21.00	LT
226	CYV.H00222	Phan Thị Thu	Trang	01/07/89	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00251	C720501	9.75	5.75	6.25	21.75	22.00	LT
227	CYV.H00227	Trần Thị Huyền	Trang	17/12/93	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00211	C720501	7.75	7.00	6.75	21.50	21.50	LT
228	CYV.H00229	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	16/08/92	Nữ	Huyện Mỹ Cày Nam		2NT	99.99. 00230	C720501	3.25	0.00	0.00	3.25	3.50	LT
229	CYV.H00228	Phan Thị Ngọc	Trâm	12/10/95	Nữ	Thành phố Bến Tre		2	99.99. 00084	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT
230	CYV.H00230	Trần Thị Diễm	Trình	06/03/93	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2	99.99. 00184	C720501	9.00	7.00	6.50	22.50	22.50	LT
231	CYV.H00231	Bùi Văn	Trung	10/10/95		Huyện Cai Lậy		2NT	99.99. 00012	C720501	8.00	6.50	5.75	20.25	20.50	LT
232	CYV.H00232	Phan Ngọc	Truyền	09/10/79	Nữ	Huyện Cai Lậy		2	99.99. 00109	C720501	7.75	5.75	5.00	18.50	18.50	LT
233	CYV.H00233	Trần Thị Thanh	Truyền	10/03/90	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00096	C720501	6.25	5.25	6.00	17.50	17.50	LT
234	CYV.H00234	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/11/86	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00157	C720501	9.50	7.75	7.50	24.75	25.00	LT
235	CYV.H00235	Nguyễn Thị Phương	Trúc	11/12/89	Nữ	Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00106	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT
236	CYV.H00237	Đặng Nhất	Tuấn	23/12/72		Huyện Cai Lậy		2NT	99.99. 00246	C720501	10.00	9.50	8.00	27.50	27.50	LT
237	CYV.H00236	Mai Châu	Tuấn	19/04/90		Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00147	C720501	9.75	5.50	6.00	21.25	21.50	LT
238	CYV.H00238	Lê Thị Kim	Tuyển	01/12/91	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2	99.99. 00018	C720501	10.00	5.50	6.00	21.50	21.50	LT
239	CYV.H00239	Dương Thị Ngọc	Tuyết	20/06/83	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00153	C720501	6.25	4.00	6.75	17.00	17.00	LT
240	CYV.H00245	Giảng Thị Thanh	Tuyển	02/02/92	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00117	C720501	6.00	2.50	4.75	13.25	13.50	LT
241	CYV.H00243	Huỳnh Thanh	Tuyển	22/03/91	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00187	C720501	9.00	9.00	7.00	25.00	25.00	LT
242	CYV.H00241	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyển	13/05/91	Nữ	Thị xã Gò Công		2	99.99. 00010	C720501	9.25	7.75	5.75	22.75	23.00	LT
243	CYV.H00242	Nguyễn Thị Mộng	Tuyển	15/10/84	Nữ	Thành phố Mỹ Tho		2NT	99.99. 00248	C720501	8.25	4.50	6.25	19.00	19.00	LT
244	CYV.H00244	Trần Thị Phương	Tuyển	04/04/89	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00081	C720501	8.75	8.50	8.25	25.50	25.50	LT
245	CYV.H00240	Võ Thị Bích	Tuyển	05/04/83	Nữ	Thành phố Mỹ Tho	06	2NT	99.99. 00171	C720501	10.00	8.00	6.75	24.75	25.00	LT
246	CYV.H00246	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	09/09/92	Nữ	Huyện Cai Lậy		2NT	99.99. 00035	C720501	9.50	8.75	8.75	27.00	27.00	LT
247	CYV.H00248	Nguyễn Minh	Tú	12/02/90		Huyện Chợ Gạo		2NT	99.99. 00033	C720501	9.25	5.25	7.25	21.75	22.00	LT
248	CYV.H00247	Trần Thị Mỹ	Tú	15/01/91	Nữ	Huyện Bình Đại		2NT	99.99. 00160	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT
249	CYV.H00249	Võ Thị	út	10/12/88	Nữ	Huyện Giồng Trôm		2NT	99.99. 00263	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT
250	CYV.H00251	Đặng Thị Hồng	Vân	14/11/93	Nữ	Huyện Cái Bè		2NT	99.99. 00199	C720501	10.00	6.00	7.25	23.25	23.50	LT
251	CYV.H00250	Nguyễn Thị Thu	Vân	20/02/91	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2	99.99. 00086	C720501	10.00	8.75	7.25	26.00	26.00	LT
252	CYV.H00252	Nguyễn Hồng	Vân	01/02/89	Nữ	Huyện Tân Phước		2NT	99.99. 00125	C720501	9.00	7.50	6.75	23.25	23.50	LT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

Trang 10

Đăng ký dự thi-đã nhận hệ số

TRƯỜNG CYV H TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành C720501 Điều dưỡng

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
253	CYV.H00253	Lưu Thị Mỹ	16/10/89	Nữ	Huyện Gò Công Tây		2NT	99.99. 00111	C720501	5.00	5.75	5.75	16.50	16.50	LT	
254	CYV.H00254	Nguyễn Hoàng Anh	17/12/87		Thị xã Gò Công		2	99.99. 00029	C720501	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	LT	
255	CYV.H00256	Lê Thị Thu	17/02/89	Nữ	Huyện Tân Phước		3	99.99. 00034	C720501	10.00	8.50	8.25	26.75	27.00	LT	
256	CYV.H00255	Phan Thị Thanh	00/00/91	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00043	C720501	7.00	4.50	5.00	16.50	16.50	LT	
257	CYV.H00257	Nguyễn Thị Ngọc	21/01/95	Nữ	Huyện Ba Tri		2NT	99.99. 00144	C720501	6.50	3.25	5.75	15.50	15.50	LT	
258	CYV.H00258	Võ Kim	06/05/91	Nữ	Huyện Gò Công Đông		2NT	99.99. 00044	C720501	9.75	5.00	7.50	22.25	22.50	LT	

Cộng ngành C720501 : 258 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG CYVH : 258 THÍ SINH

NGƯỜI LẬP BIỂU



BS. Trần Thanh Hải

NGÀY ...22... THÁNG ...9... NĂM ...2016

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Nguyễn Hùng Vĩ